TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 215/2024/HNGĐ-ST
Ngày 27-5-2024
V/v: "Tranh chấp Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Tới**

2. Bà **Nguyễn Kim Lên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Hiếu Nghĩa** - Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 234/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc "Tranh chấp Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T**, sinh năm 1990.

Nơi thường trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Số A - Khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

2. Bị đơn: Anh **Lâm Trung N**, sinh năm 1986, địa chỉ cư trú: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

(Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T** trình bày:

Về hôn nhân:

Chị và anh N xác lập quan hệ hôn nhân từ năm 2008, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định.

Trong cuộc sống do bất đồng ý kiến, không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay, nguyên đơn xác định mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu được ly hôn với anh N.

Về con chung:

Vợ chồng có 02 người con chung Lâm Chấn K, sinh ngày 28/5/2009 (giới tính: Nam) và Lâm Chấn H, sinh ngày 03/12/2011 (giới tính: Nam).

Hiện các cháu do chị trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn chị yêu cầu được quyền nuôi dưỡng các cháu cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật và bảo lưu ý kiến như trình bày tại đơn khởi kiện.

- Đối với bị đơn: Anh **Lâm Trung N:**

Khi thụ lý, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết đúng theo quy định của pháp luật, nhưng bị đơn vắng mặt, không có văn bản nêu ý kiến gửi đến Tòa án.

Vụ án, được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được, do bị đơn vắng mặt.

Tại Đơn xin trình bày ý kiến ngày 09/5/2024, thì cháu Lâm Chấn K và Lâm Chấn H đều có nguyện vọng được sống chung với chị T.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt, còn bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

Về sự vắng mặt của đương sự:

Nguyên đơn chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, còn bị đơn anh N đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.

Căn cứ các điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử cần xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là phù hợp.

Về quan hệ pháp luật: Được xác định là "Tranh chấp về Ly hôn", bị đơn là anh N có nơi cư trú tại ấp K, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Từ đó, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về nội dung:**

- Về hôn nhân:

Chị T và anh N chung sống với nhau từ năm 2008, nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (theo Xác nhận của Ủy ban nhân dân xã K ngày 10/4/2024), thì hôn nhân giữa các đương sự đã vi phạm về hình thức.

Nay, chị T có yêu cầu chấm dứt quan hệ hôn nhân, do có mâu thuẫn và mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân có vi phạm về hình thức.

Từ đó, căn cứ các điều 9, 14, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Thuý, không công nhận giữa chị T và anh N là vợ chồng.

- Về con chung:

Theo chị T xác định, giữa chị T và anh N có 02 người con chung là Lâm Chấn K, sinh ngày 28/5/2009 (giới tính: Nam) và Lâm Chấn H, sinh ngày 03/12/2011 (giới tính: Nam), hiện các cháu đang sống chung với chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành; đối với anh N vắng mặt, nên không có cơ sở xem xét.

Đối với cháu K và cháu H, tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/5/2024, là trên 07 tuổi, dưới 18 tuổi. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "...; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Tại Đơn xin trình bày ý kiến ngày 09/5/2024, thì cháu K và H đều có nguyện vọng được sống chung với chị T.

Do đó, Hội đồng xét xử xét vì lợi ích của con chung, tôn trọng nguyện vọng của các cháu, cũng như theo yêu cầu khởi kiện của chị T, nên cần giao các cháu cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Chị T không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[3] **Về án phí**:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, nên chị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Các điều 147, 227, 228, 235, 238, 273, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các điều 9, 14, 15, 53, 56, 57, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

1/ Về hôn nhân:

Không công nhận giữa chị Trần Thị T và anh Lâm Trung N là vợ chồng.

2/ Về con chung:

Giao cháu Lâm Chấn K, sinh ngày 28/5/2009 (giới tính: Nam) và Lâm Chấn H, sinh ngày 03/12/2011 (giới tính: Nam) cho chị Trần Thị T được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp, bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3/ Về cấp dưỡng, tài sản, nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết, trường hợp có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết ở vụ án khác.

4/ Về án phí:

Buộc chị Trần Thị T phải chịu án phí số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), đối trừ số tiền 300.000 đồng mà chị T đã dự nộp tại biên lai 4837 ngày 10/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu đối trừ.

5/ Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Quang